

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 12/8/2020.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và quyền
nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Sa Rên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trịnh Văn Út.

2/. Bà Lê Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Đinh Văn Dư–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngoan- Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2020/QĐXXST-HN ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Tô Anh D, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị với anh D kết hôn là do mai mối, được sự đồng ý của hai bên gia đình anh, chị đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 1990 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 30/8/2006. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 02 năm 2018 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D gia trưởng, độc đoán, bạo hành dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Đến tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau cho đến nay.

Về con chung: Có 05 người gồm: Tô Bé T, sinh năm 1991, Tô Băng T, sinh năm 1995, Tô Kiều M, sinh năm 1993, Tô Tô C, sinh ngày 02/10/2000, đã trưởng thành và Tô Ron T, sinh ngày 04/8/2006, hiện đang sống với chị T.

- *Về tài sản chung*: Tài sản gồm có: Số tiền 420.000.000 đồng, hiện do anh D quản lý và anh D đang quản lý và sử dụng quyền sử dụng đất gồm các thửa: Thửa 308, diện tích 3.120 m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 03; Thửa 310, diện tích 650 m², loại đất vườn, thuộc tờ bản đồ số 03; các thửa đất này tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Còn thửa đất số 67, diện tích 1.120 m², loại đất ONT, CLN, thuộc tờ bản đồ số 04, trên thửa đất này có căn nhà cấp 4, diện tích 120 m², kinh phí xây dựng 260.000.000 đồng, đất và nhà tọa lạc tại ấp D, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Hiện thửa đất và căn nhà do chị T đang quản lý, sử dụng.

Về nợ chung: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng chị.

- Nay, *Về hôn nhân*: chị T yêu cầu được ly hôn với anh D. Về con chung: Đối với cháu Tô Ron T thì tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu cháu Tô Ron T sống với chị thì chị đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Nếu cháu Tô Ron T sống với anh D, thì chị đồng ý cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải chi*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không yêu cầu gì.

Theo biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa anh Tô Anh D là bị đơn trình bày: Hoàn toàn thống nhất lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng sự thật. Sau ngày cưới thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng 03 năm nay thì mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T đi ra ngoài hay đi đâu không thông báo cho anh biết từ đó nên anh mới nóng giận. Vì vậy, vợ chồng cự cãi với nhau thường xuyên, Vợ chồng có xô xát đánh đập với nhau nhiều lần. Mâu thuẫn này không có nhờ chính quyền địa phương giải quyết và cũng không có nhờ gia đình hai bên hàn gắn. Từ đó nên mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm nay.

Nay, chị T yêu cầu ly hôn, anh D không đồng ý, mong muốn vợ chồng đoàn tụ, để chị T thấy giá trị hạnh phúc của gia đình. Trường hợp pháp luật giải quyết cho ly hôn. Về con chung đối với cháu Tô Ron T tùy theo nguyện vọng của con sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu sống chung với chị T, thì anh D không cấp dưỡng nuôi con. *Về tài sản chung*: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. *Về số nợ phải thu, phải chi*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh D không yêu cầu gì.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, vẫn giữ nguyên yêu cầu, các đương sự không cung cấp bổ sung cung cấp thêm chứng cứ gì mới.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tổng đạt

đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Tô Anh D. Về con chung: giao cháu Tô Ron T cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Tô Anh D được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T chưa đặt ra yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, về nợ chung: các đương sự chưa đặt ra để yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Vị còn đề nghị buộc các đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Tô Anh D được xác lập vào năm 1990, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C vào ngày 30/8/2006 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa chị T với anh D là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là do anh D gia trưởng, độc đoán, bạo hành dẫn đến vợ chồng thường hay cự cãi với nhau. Đến tháng 7 năm 2018 thì vợ chồng đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Còn anh D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi đâu không thông báo cho anh biết nên vợ chồng cự cãi với nhau thường xuyên, vợ chồng có xô xát đánh đập với nhau nhiều lần. Mâu thuẫn này anh D, chị T không có nhờ chính quyền địa phương giải quyết và cũng không có nhờ gia đình hai bên hàn gắn. Và qua xác minh chính quyền địa phương và một số người dân sống gần nhà chị T cho rằng, anh D thường hay hành hạ, đánh đập chị T, buộc chị T bỏ

chạy nhiều lần, một số người dân chứng kiến việc anh D đánh đập chị T nhưng không dám can ngăn do anh D hay ghen tuông vô cớ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay, chị T xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và xin ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị T được ly hôn với anh D.

[2.2] Về con chung: Có 05 người gồm: Tô Bé T, sinh năm 1991, Tô Bằng T, sinh năm 1995, Tô Kiều M, sinh năm 1993, Tô Tô C, sinh ngày 02/10/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và cháu Tô Ron T, sinh ngày 04/8/2006, hiện đang sống với chị T. Tại phiên tòa, cháu Tô Ron T có nguyện vọng được sống chung với anh D nếu cha, mẹ ly hôn. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần xem xét điều kiện hoàn cảnh kinh tế của chị T và anh D để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho cháu Tô Ron T. Xét về điều kiện kinh tế của hai bên, chị T sống bằng nghề làm vườn có thu nhập từ việc trồng dưa, làm đầu thảo hụi và cho thuê đàn nhạc, thu nhập trung bình một tháng là 7.000.000 đồng và hiện thu nhập này là ổn định, còn anh D cho rằng điều kiện kinh tế khó khăn, không làm gì, thu nhập một năm chỉ là 24.000.000 đồng từ tiền cho thuê đất do anh D đang quản lý nên không có điều kiện chăm sóc con được chu đáo, đảm bảo phát triển mọi mặt cho cháu Tô Ron T. Do anh D có thu nhập thấp nên anh D không đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tô Ron T. Chị T cho rằng nếu anh D không đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng thì chị đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tô Ron T. Hơn nữa, trước đây và hiện tại cháu Tô Ron T đều sống chung với chị T và chị T đảm bảo việc chăm sóc con chu đáo, đảm bảo phát triển mọi mặt và chị T cũng không cản trở việc anh D đến thăm nom, chăm sóc cháu Tô Ron T (thể hiện qua việc anh D không có khiếu nại gì liên quan đến việc thăm nom chăm sóc cháu Tô Ron T trong thời gian hai người sống ly thân với nhau). Từ đó nghĩ nên giao chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tô Ron T sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh D có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T chưa có đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Tô Anh D.

- *Về con chung*: Giao cháu Tô Ron T sinh ngày 04/8/2006 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T chưa đặt ra có yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- *Về nợ chung*: không có nên không xem xét.

- **Về án phí**: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0005339, ngày 27/5/2020 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí, anh Tô Anh D không phải nộp án phí.

2. Các đương sự mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND huyện, tỉnh.
- CCTHADS huyện.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Sa Rên

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Càng Long, ngày 26 tháng 3 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 26 tháng 3 năm 2020.

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: ông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Thạch Thanh Long.

2/. Ông Nguyễn Hữu Phước.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 335/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019 về vụ: “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: chị Hồ Thị Ngọc Thắm, sinh năm 1987 (có đơn giải quyết vắng mặt).
Địa chỉ: ấp Tân Trung, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: anh Đồng Thanh Tâm, sinh năm 1989 (vắng mặt không lý do).
Địa chỉ: ấp Hạ, xã Đại Phước, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100% (tức 3/3) quyết định những vấn đề sau đây:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;
Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hồ Thị Ngọc Thắm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hồ Thị Ngọc Thắm và anh Đồng Thanh Tâm được ly hôn.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về con chung: chị Hồ Thị Ngọc Thắm được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đồng Trâm Anh, sinh ngày 07/01/2015.

Anh Đồng Thanh Tâm được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa có yêu cầu nên không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

- **Về án phí:** chị Hồ Thị Ngọc Thắm phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/

0005339, ngày 23/10/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Càng Long thu, chị Hồ Thị Ngọc Thắm đã nộp đủ tiền án phí, anh Đồng Thanh Tâm không phải nộp án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi . . . giờ . . . phút, ngày 26 tháng 3 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Văn Út

Lê Thị Cảnh

Huỳnh Sa Rên

